



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÔNG TIN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỬ TRI QUAN TÂM THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

| | |
|--|-----------|
| MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2017 VÀ QUÝ I NĂM 2018 | 3 |
| SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC, LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC | 6 |
| 1. Về thang bảng lương của nhà giáo | 6 |
| 2. Về miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở | 7 |
| 3. Chính sách học phí đối với sinh viên sư phạm | 7 |
| 4. Chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở | 8 |
| 5. Chế độ cử tuyển | 9 |
| 6. Một số điểm mới trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học | 10 |
| CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI | 10 |
| 1. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên để triển khai CT, SGK giáo dục phổ thông mới | 11 |
| 2. Chuẩn bị cơ sở vật chất để triển khai CT, SGK giáo dục phổ thông mới | 12 |
| 3. Vấn đề dạy học tích hợp | 13 |
| 4. Về giảm tải kiến thức cho học sinh | 13 |
| 5. Chương trình môn Ngữ Văn | 14 |
| 6. Chương trình môn Lịch sử | 15 |
| 7. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo | 16 |
| KỶ THI THPT QUỐC GIA VÀ XÉT TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018 | 16 |
| 1. Những điểm mới của kỳ thi THPT quốc gia, xét tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2018 | 17 |
| 2. Đề thi thử nghiệm và độ phân hóa của đề thi | 17 |
| 3. Điểm ưu tiên khu vực | 18 |
| 4. Tổ hợp xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2018 | 18 |
| 5. Tuyển sinh ngành sư phạm năm 2018 | 19 |

| | |
|---|-----------|
| ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN VÀ ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO | 20 |
| 1. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh sinh viên | 20 |
| 2. Về phẩm chất, đạo đức nhà giáo | 20 |
| 3. Về tình trạng xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhà giáo | 22 |
| 4. Chấn chỉnh, nâng cao văn hóa ứng xử trong trường học | 23 |
| 5. Vấn đề an toàn cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non | 24 |
| CÁC VẤN ĐỀ KHÁC | 25 |
| 1. Công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp | 25 |
| 2. Khắc phục tình trạng "lạm thu" trong các cơ sở giáo dục | 27 |
| 3. Vấn đề thừa, thiếu giáo viên mầm non, phổ thông | 27 |
| 4. Vấn đề biên chế giáo viên và ký hợp đồng giáo viên ngoài biên chế | 29 |
| 5. Về tài liệu Tiếng việt 1 Công nghệ giáo dục | 29 |
| 6. Về mô hình trường học mới VNEN | 30 |
| 7. Phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh, sinh viên | 31 |
| 8. Khắc phục tình trạng thiếu trường, lớp mầm non, đặc biệt là ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư | 31 |
| 9. Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | 32 |
| 10. Khắc phục tình trạng sinh viên sau khi tốt nghiệp không có việc làm | 33 |
| 11. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở đào tạo giáo viên | 34 |
| 12. Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) | 35 |
| 13. Liên kết đào tạo với nước ngoài | 36 |
| 14. Về chất lượng đào tạo của các hình thức không chính quy | 37 |
| 15. Việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2017 | 37 |

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2017 VÀ QUÝ I NĂM 2018

Thời gian qua, Bộ GDĐT đã chú trọng hoàn thiện thể chế nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi và khắc phục các bất cập về giáo dục và đào tạo (GDĐT). Năm 2017, Bộ GDĐT đã trình ban hành 100% các văn bản quy định chi tiết thi hành luật được Quốc hội và Chính phủ giao. Ngoài ra, Bộ đang soạn thảo 02 dự án Luật (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học), được Chính phủ thông qua để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 và xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV.

Chất lượng các hoạt động GDĐT ở tất cả các bậc học từng bước được cải thiện, nâng cao. Năm 2017, ngành Giáo dục đã chính thức hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ trẻ mầm non được đến trường tăng; trẻ em vùng dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1; trẻ em khuyết tật được tạo điều kiện chăm sóc, giáo dục. Công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được các địa phương đặc biệt quan tâm; công tác đảm bảo an toàn cho trẻ về thể chất được các địa phương cơ bản thực hiện nghiêm túc. Bộ GDĐT cũng đã đề nghị và được Chính phủ đồng ý miễn học phí cho trẻ mầm non 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thực hiện từ năm 2018 nhằm giúp trẻ mầm non có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội đến trường.

Chất lượng giáo dục phổ thông tiếp tục được nâng lên. Bộ GDĐT đã tập trung xây dựng các văn bản hướng dẫn để các địa phương chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tốt việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; đổi mới đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; rà soát giảm các cuộc thi, hội thi để giảm áp lực đối với giáo viên, học sinh.

Kỳ thi THPT quốc gia các năm 2017 đã được Bộ GDĐT, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục đại học chuẩn bị chu đáo và tổ chức thành công, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, trung thực, giảm áp lực, giảm tổn kém đối với người dân và xã hội, tạo thuận lợi tối đa cho thí sinh và được xã hội đồng thuận, đánh giá cao. Các đoàn học sinh Việt Nam tham dự kỳ thi Olympic Châu Á Vật lí, Tin học và Olympic quốc tế môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học năm 2017 đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay với 31 huy chương (14 Huy chương Vàng, 13 Huy chương Bạc, 04 Huy chương Đồng) và 3 Bằng khen. Tham dự thi khoa học kỹ thuật quốc tế

(Intel ISEF) dành cho học sinh trung học đạt kết quả cao, xếp thứ 3 toàn đoàn sau Hoa Kỳ và Ấn Độ về số lượng dự án được giải.

Bộ GDĐT đã ban hành các quy định nhằm chấn chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học như: quy định về mở ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông; quy chế đào tạo vừa học, vừa làm; quy chế đào tạo từ xa; quy chế đào tạo tiến sĩ; quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học đổi mới chương trình đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, nghiên cứu xây dựng mô hình trường đại học phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng, trình ban hành cơ cấu Hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia đảm bảo tính khoa học và tương thích với hệ thống giáo dục các nước trong khu vực.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học được chú trọng. Tính đến ngày 15/4/2018, đã có 248 cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng, trung cấp sư phạm hoàn thành báo cáo tự đánh giá; 109 trường đại học và 02 trường cao đẳng sư phạm được đánh giá ngoài; 60 trường đại học và 01 trường cao đẳng sư phạm được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng; 105 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế; 04 trường đại học đã được Hội đồng cấp cao đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học của Pháp (HCERES) công nhận đạt chuẩn kiểm định trường đại học; 02 trường được đánh giá theo tiêu chuẩn của AUN-QA¹; 05 trường có tên trong danh sách những trường tốt đầu của Châu Á, 03 trường được gắn 3 sao bởi QS-Stars.

Công tác xây dựng xã hội học tập đã có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành Giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với Hội Khuyến học các cấp triển khai xây dựng và tổ chức đánh giá mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”; triển khai xây dựng các mô hình học tập gắn kết với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tiêu chí xây dựng nông thôn mới... Mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên tiếp tục được củng cố, phát triển.

Tại cuộc làm việc của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ với Bộ GDĐT, Tổ Công tác truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ ghi nhận sự cố gắng rất lớn của cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành Giáo dục thời gian qua, nhất là đã tập trung cho việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Lãnh đạo Bộ đã có nhiều nỗ lực trong tiếp cận những xu thế mới của khu vực và thế giới để hội nhập và cải cách mạnh mẽ.

¹ Mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á.

Kết quả đổi mới giáo dục của Việt Nam được các nước, tổ chức quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng Thế giới đã ra Thông cáo báo chí, theo đó khẳng định, 7 trong số 10 hệ thống giáo dục hàng đầu của thế giới nằm ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, trong đó sự phát triển thực sự ấn tượng là ở hệ thống giáo dục của Trung Quốc và Việt Nam (hai quốc gia tiên phong trong đổi mới giáo dục). Đây là một thành tựu lớn của khu vực và có thể trở thành những bài học kinh nghiệm quan trọng cho các quốc gia khác trên thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn một số tồn tại hạn chế cần khắc phục: Công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học ở một số địa phương còn chưa phù hợp, chưa quan tâm đến yếu tố đảm bảo chất lượng khi dồn dịch các trường; thiếu trường, lớp ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc biệt là các trường mầm non; tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được giải quyết triệt để; tiến độ thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông chưa đảm bảo theo lộ trình đề ra; cơ sở vật chất, trường lớp học, trang thiết bị dạy học nhiều nơi còn thiếu hoặc bị xuống cấp; công tác xã hội hóa giáo dục chưa thực sự hiệu quả; vẫn còn tình trạng “lạm thu”, “bạo lực học đường” xảy ra ở một số cơ sở giáo dục; việc thực hiện tự chủ đại học chưa gắn liền với đổi mới quản trị nhà trường, số lượng cơ sở đào tạo được tự chủ toàn diện chưa cao; tình trạng sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa tìm được việc làm còn nhiều.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỬ TRI QUAN TÂM

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC, LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 của Quốc hội và phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GDĐT được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ký Tờ trình Chính phủ trình Quốc hội 02 dự án Luật để xem xét cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV. Trong quá trình xây dựng 02 dự án Luật, có một số vấn đề cử tri và nhân dân quan tâm, cụ thể: Về thang bảng lương của nhà giáo; miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở; chính sách học phí đối với sinh viên sư phạm; trình độ đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở; chế độ cử tuyển và một số điểm mới của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Bộ GDĐT báo cáo, thông tin tới các đại biểu Quốc hội và cử tri các vấn đề trên trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, như sau:

1. Về thang bảng lương của nhà giáo

Điểm 6, mục II Nghị quyết số 29 của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo có nêu “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”. Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 29 của Trung ương, Bộ GDĐT đã dự thảo sửa đổi Điều 81 của Luật Giáo dục về thang bảng lương nhà giáo, theo đó đề xuất “Lương của nhà giáo được xếp cao trong hệ thống lương hành chính sự nghiệp. Nhà giáo được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ” vì công việc của người thầy là đào tạo con người, có ảnh hưởng lớn đến tương lai đất nước, chịu nhiều áp lực nhưng thu nhập hiện chưa tương xứng với vị trí và trách nhiệm được giao.

Ngày 15/01/2018, Bộ GDĐT đã trình Chính phủ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục. Chính phủ có ý kiến không sửa Điều 81 về lương của nhà giáo trong dự án Luật vì hiện nay, Chính phủ đang xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp để trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Theo đó, tiền lương của nhà giáo sẽ được nghiên cứu đưa vào Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên

chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Lương sẽ do Chính phủ quy định cụ thể.

2. Về miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở

Quán triệt và thực hiện Hiến pháp 2013, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phổ cập giáo dục; căn cứ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay cần đẩy mạnh phổ cập trung học cơ sở và phân luồng, Bộ GDĐT đã đề xuất mở rộng đối tượng không phải đóng học phí đến học sinh trung học cơ sở trường công lập trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.

Tuy nhiên, khi Chính phủ thảo luận vấn đề này, một số Bộ, ngành băn khoăn về tính khả thi, ở chỗ nguồn kinh phí chi cho giáo dục còn hạn hẹp, chưa đủ khả năng đáp ứng việc học sinh THCS không phải đóng học phí. Cũng có ý kiến cho rằng có thể không miễn học phí một cách đồng loạt mà phân tích ra các đối tượng học sinh khác nhau để miễn học phí.

Trước những ý kiến còn khác nhau và do trong bối cảnh ngân sách khó khăn như hiện nay, Chính phủ quyết định tạm thời chưa đưa vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục về vấn đề miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội kỳ họp vừa qua. Tuy nhiên, Luật Giáo dục hiện hành và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về chính sách học phí đã quy định chính sách miễn, giảm học phí đối với các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, học sinh nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

3. Chính sách học phí đối với học sinh, sinh viên sư phạm

Theo quy định hiện nay, học sinh, sinh viên sư phạm không phải đóng học phí, tuy nhiên chính sách này đã tồn tại một số hạn chế, bất cập như: sinh viên tốt nghiệp ra trường không làm việc trong ngành Giáo dục, dẫn đến chính sách hỗ trợ của nhà nước không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực ngân sách. Vì vậy, trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đã quy định “học sinh, sinh viên sư phạm được vay tín dụng sư phạm để đóng học phí và chi trả sinh hoạt phí trong toàn khóa học; được hưởng các chính sách học bổng khuyến khích học tập, các chế độ miễn, giảm học phí và trợ cấp xã hội quy định. Sau khi tốt nghiệp, nếu công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian theo quy định sẽ không phải trả khoản vay tín dụng sư phạm” vì yếu tố quyết định việc lựa chọn ngành nghề của học sinh hiện nay là chế độ đãi ngộ sau khi tốt nghiệp ra trường đi làm; việc thu hút học sinh giỏi bằng hình thức miễn học phí đã không còn nhiều tác dụng. Để thu hút

được học sinh giỏi vào các trường sư phạm cần thay đổi chính sách tiền lương của giáo viên, không phải là duy trì chính sách miễn học phí sư phạm.

Ngoài ra, để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Giáo dục trong thời gian tới, Bộ GDĐT sẽ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch hệ thống các trường sư phạm theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và theo Luật Quy hoạch năm 2017; nghiên cứu đề xuất trong Đề án cải cách tiền lương của Chính phủ theo hướng lương của nhà giáo được xếp vào thang bảng lương riêng thuộc nhóm ưu tiên; xây dựng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên để làm căn cứ đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng và chính sách đãi ngộ nhà giáo, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

4. Chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở

Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu "Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm". Như vậy, việc nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở lên đại học sư phạm được đề cập trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục là tất yếu và sẽ là bước đột phá, đổi mới mạnh mẽ nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hiện nay cả nước có 59,63 % giáo viên tiểu học đạt trình độ đào tạo từ đại học trở lên, còn 40,36 % (159.934 giáo viên) cần được bồi dưỡng, đào tạo nâng chuẩn; giáo viên trung học cơ sở có trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 74,6%, còn 25,4 % (78.974 giáo viên) cần được bồi dưỡng nâng chuẩn. Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các địa phương xây dựng lộ trình, kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo lại để nâng chuẩn trình độ giáo viên từ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm lên đại học trong thời gian khoảng 5 năm và chủ trương không tuyển mới giáo viên có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng sư phạm cùng với lộ trình nâng chuẩn.

Đối với những giáo viên chưa đạt chuẩn còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên, Bộ GDĐT chỉ đạo các trường đại học sư phạm phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng lộ trình, kế hoạch đào tạo nâng chuẩn trình độ gắn với việc bồi dưỡng thay SGK mới theo hình thức "cuốn chiếu" cùng với lộ trình triển khai hàng năm ở các khối lớp với các hình thức linh hoạt, phù hợp, hiệu quả, thực chất, không chạy theo số lượng. Đối với những giáo viên chưa đạt trình độ đại học còn thời gian công tác từ 1 đến dưới 5 năm, Bộ GDĐT chỉ đạo các địa phương phối hợp

với các trường sư phạm thiết kế các khóa bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới theo các chuyên đề phù hợp.

Để đảm bảo tính khả thi của việc nâng chuẩn, dự thảo Luật đã bổ sung Điều 119a quy định điều khoản chuyển tiếp, theo đó các quy định về trình độ chuẩn của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 77 của dự thảo Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026. Chính phủ quy định lộ trình thực hiện việc chuẩn hóa đối với nhà giáo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 77. Quy định này nhằm xác định cụ thể lộ trình đào tạo, sử dụng giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo.

5. Chế độ cử tuyển

Từ những năm 1990-1995, Bộ GDĐT đã triển khai thực hiện chính sách ưu tiên tuyển chọn, đào tạo học sinh dân tộc tại các trường đại học, cao đẳng (thực hiện chế độ cử tuyển). Từ năm 1999-2006, việc thực hiện chế độ cử tuyển được triển khai thực hiện theo Luật Giáo dục năm 1998. Từ năm 2007 đến nay, thực hiện chế độ cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 Chính phủ ban hành Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Cử tuyển là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong chính sách dân tộc nhằm tạo nguồn cán bộ tại chỗ cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Trong nhiều năm qua, chính sách cử tuyển đã khẳng định được vai trò to lớn trong việc đào tạo cán bộ cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Tuy nhiên, những năm gần đây, việc bố trí việc làm cho sinh viên tốt nghiệp cử tuyển rất khó khăn. Nguyên nhân là do hình thức tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức đã có nhiều thay đổi theo quy định Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức. Ngoài ra, trong quá trình triển khai, nhiều địa phương chưa xây dựng được kế hoạch tổng thể đào tạo cán bộ học cử tuyển theo vị trí việc làm; xác định nhu cầu ngành nghề, trình độ đào tạo và cơ cấu số lượng giữa các dân tộc chưa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ở một số địa phương khác công tác rà soát, bám sát theo quy hoạch, ưu tiên các dân tộc có nguồn nhân lực thấp còn chưa hiệu quả.

Từ thực tiễn đặt ra, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục bổ sung một số nội dung về chế độ cử tuyển, theo hướng "người được cử đi học theo chế độ cử tuyển được ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển, việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp" nhằm tạo định chế mới

phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay và để hoàn thiện chính sách nhằm thực hiện hiệu quả công tác cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, miền núi; gắn đào tạo với nhu cầu và bố trí việc làm tại địa phương.

6. Một số điểm mới trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã sửa đổi, bổ sung 31/73 điều (42%); giữ nguyên 42 điều. Nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu tập trung vào việc thể chế hóa quan điểm đối mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng, mở rộng và nâng cao quyền tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình, đối mới quản trị đại học, đối mới quản lý đào tạo tiệm cận với chuẩn quốc tế, đối mới quản lý nhà nước để thực hiện tự chủ đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, trong điều kiện phát triển và hội nhập; phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện Luật GDĐH năm 2012.

Trên cơ sở kết quả tổng kết thực hiện Luật GDĐH năm 2012, Bộ GDĐT đã rà soát tổng thể Luật GDĐH hiện hành để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Theo đó, Dự thảo Luật đã bao quát hết các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung đối với Luật GDĐH năm 2012 và các nội dung này đã được tích hợp trong 04 chính sách cần sửa đổi, bổ sung của Dự án Luật bao gồm: Mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả tự chủ đại học; đối mới quản trị đại học; đối mới quản lý đào tạo; đối mới quản lý nhà nước trong điều kiện tự chủ đại học.

Việc hoàn thiện khung pháp lý về GDĐH tạo ra sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật khác trong toàn hệ thống để huy động mọi nguồn lực phát triển GDĐH, nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước; đối mới quản lý nhà nước, đối mới quản trị đại học, quản lý đào tạo tiệm cận các chuẩn quốc tế; tạo điều kiện cho các cơ sở GDĐH cạnh tranh bình đẳng, phát huy nội lực, linh hoạt, sáng tạo để nâng cao chất lượng GDĐH.

CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

Trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông tổng thể được thông qua, Ban Phát triển chương trình đã tập trung xây dựng và hoàn thiện dự thảo các chương trình môn học và hoạt động giáo dục; đã tổ chức thẩm định sơ bộ, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo các chương trình môn học, hoạt động giáo dục và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để xin ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Đến ngày 05/4/2018, Bộ GDĐT đã nhận được các văn bản góp ý của Ban Tuyên giáo

Trung ương, 63/63 Sở GDĐT, 8/8 trường đại học sư phạm và nhiều nhà khoa học, chuyên gia giáo dục trong cả nước. Cơ bản các ý kiến thống nhất đánh giá dự thảo các chương trình môn học phù hợp với quy định của pháp luật, không có định kiến về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, địa vị; mục tiêu các chương trình môn học đã cụ thể hóa được mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp với đặc thù môn học.

Tuy nhiên, hiện nay cử tri và nhân dân đang băn khoăn về tiến độ xây dựng chương trình và một số vấn đề liên quan tới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, như: chuẩn bị đội ngũ giáo viên; chuẩn bị cơ sở vật chất; việc dạy học tích hợp; vấn đề giảm tải kiến thức cho học sinh; chương trình môn Ngữ văn; chương trình môn Lịch sử; hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Bộ GDĐT báo cáo, thông tin tới các đại biểu những vấn đề nêu trên, cụ thể:

1. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên để triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

Bộ GDĐT đã tiến hành rà soát, thống kê đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, theo đó còn tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên ở các cấp học, môn học, tuy nhiên số lượng thừa, thiếu không nhiều. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ đã dự báo nhu cầu về giáo viên phổ thông từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Đối với cấp Tiểu học: Sự biến động tăng/giảm không nhiều so với số giáo viên tiểu học hiện có. Nhu cầu tuyển mới bổ sung do nghỉ hưu, tăng quy mô trường lớp mỗi năm khoảng 6863 giáo viên. Tổng 5 năm cần đào tạo bổ sung 34.315 giáo viên, trong đó, ngành Giáo dục đã tính toán cụ thể nhu cầu đào tạo từng năm, ưu tiên đào tạo giáo viên tiếng Anh (cả nước thiếu khoảng 5616 giáo viên), Tin học và công nghệ (cả nước thiếu khoảng 5607 giáo viên) để bổ sung cho các địa phương còn thiếu.

Đối với cấp THCS: Tăng quy mô trường lớp mỗi năm khoảng 4751 giáo viên. Tổng 5 năm cần đào tạo bổ sung khoảng 23.755 giáo viên, trong đó ngành Giáo dục đã tính toán cụ thể nhu cầu đào tạo từng năm trên cơ sở rà soát, nắm rõ số lượng giáo viên theo môn học của từng địa phương còn thừa/thiếu.

Đối với cấp THPT: Nhu cầu tuyển mới bổ sung do nghỉ hưu, tăng quy mô trường lớp mỗi năm khoảng 2415 giáo viên. Tổng 5 năm cần đào tạo bổ sung khoảng 12.075 giáo viên. Ngành Giáo dục đã tính toán nhu cầu giáo viên THPT từ nay đến năm 2022 để vừa giải quyết bài toán thừa và nhu cầu tuyển bổ sung đối với các